



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý chất lượng nước**
Laboratory: **Water Quality Management**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**
Organization: **Dong Nai water joint stock company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1082**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa**
Chemical

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Cao Cường**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày / 06 / 2026 đến ngày 22 / 05 / 2029**

Địa chỉ/Address: **48 Cách mạng tháng tám, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
No 48 Cach mang thang tam, Bien Hoa ward, Dong Nai province

Địa điểm/ Location: **48 Cách mạng tháng tám, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
No 48 Cach mang thang tam, Bien Hoa ward, Dong Nai province

Điện thoại/ Tel: **0918539653**

Email: **qlclcapnuocdn@gmail.com**

Website: **www.dowaco.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1082****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định hàm lượng Clorua (Cl ⁻). Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp Mo) <i>Determination of Chloride content (Cl⁻). Silver Nitrate titration method with chromate indicator (Mohr' method)</i>	5,0 mg/L	TCVN 6194:1996
3.		Xác định tổng Canxi và Magie. Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of total Calcium and Magnesium content. EDTA titration method</i>	5,0 mg/L	TCVN 6224:1996
4.		Xác định hàm lượng Mangan. Phương pháp so màu <i>Determination of Manganese content. Colorimetric method</i>	0,01 mg/L	Hach Method 8149 (DR 6000)
5.		Xác định hàm lượng Sắt. Phương pháp so màu <i>Determination of Iron content. Colorimetric method</i>	0,04 mg/L	Hach Method 8008 (DR 6000)
6.		Xác định hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻). Phương pháp so màu <i>Determination of Sulfate content (SO₄²⁻). Colorimetric method</i>	10,0 mg/L	Hach Method 8051 (DR 6000)

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- Hach: phương pháp của nhà sản xuất thiết bị/ *Manufacture's method*
- Trường hợp Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Dong Nai water joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*